

Số: 01/2021/QĐPT-HNGĐ

Ninh Bình, ngày 02 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc xác định mẹ cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Tạ Văn Vinh.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Sâm.

Ông Nguyễn Tử Lượng.

- Thư ký phiên họp: Bà Vũ Thị Len – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2021/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc “xác định mẹ cho con”.

Do Quyết định số 01/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐPT-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021, gồm những người tham gia tổ tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1942, trú tại: thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Đoàn Thị H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Bình (có mặt);

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị S, sinh năm 1961 (có mặt);

- Anh Bùi Văn K, sinh năm 1983 (có mặt);

- Anh Bùi Văn L, sinh năm 1990 (có mặt);

Đều trú tại: thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

- Chị Bùi Thị H, sinh năm 1997, trú tại: đội 4, xóm T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Chị Bùi Thị O, sinh năm 1988, trú tại: đội 5, thôn P, xã Đ, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Anh Bùi Trung K, sinh năm 1987, trú tại: thôn A, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

3. Người kháng cáo: người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị S.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Ngày 16/12/2020, bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình xác định cụ Bùi Thị B sinh năm 1917, chết ngày 19/10/1998; địa chỉ của cụ Bùi Thị B khi còn sống: thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình là mẹ đẻ của bà.

Trong quá trình giải quyết yêu cầu bà Nguyễn Thị L trình bày: Khoảng năm 1940, cụ Nguyễn Văn D (người cùng thôn C) lấy cụ Bùi Thị B làm vợ hai và sinh ra bà vào năm 1942. Vợ cả của cụ Nguyễn Văn D là cụ Nguyễn Thị V không có con. Năm 1943, cụ D chết, vài năm sau thì cụ B tái giá, làm vợ hai cụ Bùi Văn C (người cùng thôn C). Cụ B và cụ C có hai người con chung là Bùi Văn L (hi sinh năm 1972, không có vợ con) và Bùi Văn K (tên gọi khác Bùi Đức K, Bùi Văn C, sinh năm 1961, chết năm 2012, có vợ là Lê Thị S, các con là Bùi Văn L, Bùi Văn K, Bùi Thị O, Bùi Thị H, Bùi Trung K). Bà được cụ V nuôi dưỡng như con đẻ đến khi cụ B sinh ông L, thì cụ B đón về chăm sóc cũng là để đỡ đần cụ B trong việc trông nom em nhỏ. Năm 1959, cụ B và cụ V đứng ra tổ chức cưới gả bà cho ông Tống Văn N (tên gọi khác Tống Văn N1) cùng thôn C. Sau khi lấy chồng, do ở gần, bà vẫn thường xuyên qua lại thăm nom, chăm sóc, phụng dưỡng cụ B. Bà cũng có thời gian đón cụ B về nhà chăm sóc khi cụ B bị ốm. Khi cụ B chết, bà cùng em là ông K đứng ra tổ chức ma chay, cúng giỗ. Do thời gian đã quá lâu, đi lấy chồng hơn 60 năm nên các giấy tờ về hộ tịch, hộ khẩu không còn ghi nhận dấu tích về mẹ đẻ của bà. Tại tờ khai chứng minh nhân dân năm 1979 ghi mẹ là Nguyễn Thị V là do trước đây bà không hiểu nên khai tên mẹ cả (vợ cả của bố) là Nguyễn Thị V. Bà không biết viết nên nhờ người ghi hộ tịch khai, đến nay mới biết tài liệu này thể hiện tên mẹ là Nguyễn Thị V là do người ghi hộ tịch không chính xác. Tại bản khai nhân khẩu trong hồ sơ hộ khẩu của gia đình ghi mẹ của bà là NG. Thị B là do anh Tống Văn K (con trai bà) khai và ghi hộ nên bà cũng không biết có sự sai sót này. Bên cạnh đó, trong gia phả của dòng họ Nguyễn không ghi tên cụ B do cụ B đã tái giá với người khác. Tuy nhiên, trong làng xã, mọi người tại thôn C đặc biệt là các cụ cao niên

trong thôn đều biết bà là con đẻ của cụ B. Các ông bà: ông Nguyễn Văn K (trưởng họ Nguyễn), bà Nguyễn Thị A (80 tuổi, gọi cụ Nguyễn Văn D là bác ruột), bà Nguyễn Thị N (83 tuổi, vợ của ông Nguyễn Văn K), ông Nguyễn Văn A (chi 3, họ Nguyễn thôn C), ông Bùi Văn N (con vợ cả cụ C, anh cùng cha khác mẹ với ông Bùi Văn K), bà Trần Thị C (vợ ông Bùi Văn N), ông Bùi Văn K1 (con của chú ruột ông Bùi Đức K) đều biết. Khi bà lớn lên, không thấy cụ B có anh chị em ruột. Bà chỉ nghe cụ B nói cụ có hai người anh trai đều đã chết từ khi 9 - 10 tuổi, cụ B không có chị, em gái. Hiện nay, trong các giấy tờ về lý lịch, hộ tịch của bà đều mất đi thông tin về mẹ đẻ vì vậy, bà yêu cầu Tòa án xác định cụ Bùi Thị B, sinh năm 1917, chết ngày 19/10/1998 là mẹ đẻ của bà.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị S, anh Bùi Văn K, anh Bùi Văn L, chị Bùi Thị O, chị Bùi Thị H đều trình bày: Bà Sáu và ông Bùi Văn K (Bùi Đức C) là vợ chồng. Cụ Bùi Thị B chỉ có hai người con là ông Bùi Duy L đã hy sinh, không có vợ con và ông Bùi Văn K (chết năm 2012). Bà Sáu và các con không công nhận bà Nguyễn Thị L là con đẻ của cụ B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Trung K trình bày: Anh là con của bà Phạm Thị M và ông Bùi Văn K. Anh không biết mối quan hệ giữa cụ B và bà L.

Tại Quyết định số 01/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 29/01/2021, Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 88, Điều 90, khoản 2 Điều 101, Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 11 Điều 29, khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L. Xác định cụ Bùi Thị B (sinh năm 1917, chết ngày 19/10/1998), nơi cư trú khi còn sống tại thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình là mẹ đẻ của bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1942, trú tại thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 05/02/2021, bà Lê Thị S có đơn kháng cáo toàn bộ Quyết định số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện H với nội dung: Quyết định không khách quan, chính xác khi xác định bà Nguyễn Thị L có quan hệ mẹ con với cụ Bùi Thị B. Qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của bà cũng như các thành viên khác trong gia đình. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xem xét lại yêu cầu của bà Nguyễn Thị L theo thủ tục phúc thẩm theo hướng bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị L.

Tại phiên họp bà Lê Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên họp có ý kiến: Thẩm phán, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án áp dụng điểm a khoản 3 Điều 375 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị S, giữ nguyên Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Lê Thị S được làm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Lê Thị S nhận thấy:

[2.1] Để có căn cứ quyết định bà Nguyễn Thị L có quan hệ huyết thống theo dòng mẹ với cụ Bùi Thị B, Tòa án cấp sơ thẩm xác định cần phải lấy mẫu đối chứng ở anh chị em của cụ Bùi Thị B hoặc con của chị gái, em gái của cụ Bùi Thị B để giám định ADN xác định quan hệ mẹ - con giữa cụ Bùi Thị B và bà Nguyễn Thị L nhưng bà Nguyễn Thị L và những người làm chứng (ông Bùi Văn N, bà Trần Thị C, ông Nguyễn Quốc K) đều trình bày: Cụ Bùi Thị B chỉ có hai người anh trai đều đã chết từ khi còn bé và không có chị em gái ruột nên việc giám định ADN không thể thực hiện được.

[2.2] Mặc dù hiện tại các giấy tờ về hộ tịch, hộ khẩu không ghi nhận dấu tích về mẹ đẻ của bà Nguyễn Thị L nhưng trên thực tế, những người cao tuổi tại thôn C xã T, anh em, con cháu họ nội, họ ngoại của cụ D, cụ B, cụ C đều khẳng định cụ Bùi Thị B là mẹ đẻ của bà Nguyễn Thị L cụ thể:

Ông Nguyễn Văn A (chi 3, họ Nguyễn thôn C, xã T) chứng nhận: Bà Nguyễn Thị L là con đẻ cụ Bùi Thị B với cụ Nguyễn Văn D thuộc chi 3, họ Nguyễn. Sau khi cụ D mất, cụ B lấy cụ Bùi Văn C sinh được ông Bùi Văn L (đã hy sinh, không vợ con) và ông Bùi Đức K. Khi cụ B tái giá mang theo con gái Nguyễn Thị L và nuôi dậy tới lúc trưởng thành. Bà Sáu, anh Lanh, anh Kiều khai bà L không phải là con đẻ của cụ B là sai sự thật.

Ông Bùi Văn K1 (trưởng thôn C giai đoạn 1995 - 1999, cháu gọi cụ Bùi Văn C - bố ông K là bác) khẳng định: Ông biết rất rõ bà Nguyễn Thị L là con gái của cụ B

và cụ D. Cụ D mất, cụ B tái giá với cụ Bùi Văn C sinh ra ông L và ông K. Bà L là con cùng mẹ khác cha với ông K.

Ông Bùi Văn N (con cụ Bùi Văn C và cụ Bùi Thị M) trình bày: Ông và ông K là anh em cùng cha (cụ Bùi Văn C), khác mẹ (mẹ ông K là cụ B, mẹ ông là cụ Mùi). Trước khi cụ B lấy bố ông (cụ C) thì cụ B đã có một đời chồng trước là cụ Nguyễn Văn D. Cụ B và cụ D có một người con chung là bà Nguyễn Thị L. Sau khi cụ D chết, cụ B lấy bố ông (là cụ C), làm vợ hai của cụ C sinh được ông L (liệt sỹ) và ông K. Cụ V là vợ cả của cụ D, có công nuôi dưỡng, chăm sóc bà L (con của cụ B và cụ D). Ông cũng chứng kiến việc cụ V, cụ B cưới hỏi cho bà L lấy ông Nhận, chứng kiến và nghe nói việc qua lại, chăm sóc giữa bà L và cụ B khi cụ B ốm. Anh chị em của cụ B đều đã chết khi còn nhỏ.

Bà Nguyễn Thị A (cháu ruột cụ D) khẳng định: Bà biết rõ sự việc bà L là con đẻ cụ B vì bản thân sinh sống tại thôn C và là cháu ruột ông Nguyễn Văn D. Cụ D lấy cụ V là vợ cả. Cụ V không có con. Cụ B là vợ hai của cụ D đã sinh ra bà L. Khi cụ D qua đời, cụ B lấy cụ C sinh ra ông L và ông K.

Chị Bùi Thị Hòa (cháu nội của ông Bùi Văn C và là hàng xóm với cụ B và vợ chồng ông K, bà Sáu) xác nhận: Bà L là con gái cụ B.

Ông Nguyễn Văn M (họ hàng với cụ Bùi Thị B) xác nhận: Cụ B có con gái là bà Nguyễn Thị L với đời chồng trước. Sau đó, cụ B lấy chồng khác sinh được ông K và ông L.

Bà Nguyễn Thị T khẳng định: Cụ B lấy cụ D sinh ra bà L. Bà có chứng kiến việc cụ B gả chồng cho bà L.

Ông Phạm Đức H (nguyên là chi hội trưởng Chi hội Cựu Chiến binh, hàng xóm với gia đình cụ B) trình bày: Ngoài thời gian đi bộ đội từ 1972 đến 1977, ông đều sinh sống tại thôn C, ông không có họ hàng gì với các bên đương sự. Khi còn nhỏ gia đình ông là hàng xóm với cụ B. Sau này, ông học cùng với ông L (con cụ B với cụ C), ông vẫn thường xuyên qua nhà cụ B chơi và thấy bà L (khi đó đã lấy chồng) hay về thăm mẹ là cụ B và các em. Ông khẳng định bà L là con cụ B. Giữa bà L và ông L, ông Chiêu là chị em cùng mẹ khác cha. Ông L, ông Chiêu là con của cụ B với cụ C.

Ông Nguyễn Quốc K (trưởng họ Nguyễn) xác nhận: Cụ Nguyễn Văn D thuộc chi 3 họ Nguyễn. Cụ D lấy vợ hai là cụ B, có một người con chung là Nguyễn Thị L. Sau khi cụ D chết thì cụ B lấy cụ Bùi Văn C, sinh được 2 người con là Bùi Văn C và Bùi Văn L. Cụ B chỉ có hai người anh trai đã chết từ khi còn nhỏ, không có chị em gái.

Bà Trần Thị C (vợ ông Bùi Văn N) xác nhận: Từ khi lớn lên, sinh sống tại thôn C và hơn 60 năm làm dâu gia đình cụ Bùi Văn C bà biết rõ bà L là con đẻ cụ B (vợ hai của bố chồng bà). Quá trình sinh sống tại thôn C, tham gia vào sinh hoạt dòng họ, hiếu hỉ, bà chứng kiến việc cụ V và cụ B cưới hỏi cho bà L lấy ông Tống Văn N1 và chứng kiến việc qua lại chăm sóc giữa bà L và cụ B khi cụ B ốm đau. Khi cụ B chết, bà L và ông K đứng ra tổ chức ma chay cho cụ B. Bà L chính là con đẻ của cụ B, ngoài ra chưa hề nghe thấy thông tin nào khác. Cụ B không có chị em gái, chỉ có hai người anh trai đã chết khi còn nhỏ.

Bà Nguyễn Thị N (vợ ông Nguyễn Quốc K) trình bày: bà biết rất rõ và chắc chắn bà L là con đẻ của cụ B. Bà chứng kiến khi bà L khoảng 5, 6 tuổi, cụ B giao bà L cho cụ V nuôi cho đến khi bà L đi lấy chồng. Quá trình sinh sống tại địa phương, tham gia các hoạt động làng xã, bà L và cụ B đều thể hiện mối quan hệ mẹ con. Khi bà L lấy chồng, cụ V và cụ B cùng đứng ra làm cưới hỏi cho bà L. Bà tin rằng vì bà L là con đẻ của cụ B nên khi cụ B ốm đau, bà L qua chăm sóc là chuyện đương nhiên. Khi cụ B chết thì ông K, bà L đứng ra tổ chức ma chay.

[2.3] Tại Biên bản làm việc ngày 27/11/2015 của Thanh tra huyện H với đại diện UBND xã T, Bí thư chi bộ, Trưởng thôn C và gia đình bà Lê Thị S có nội dung: Bà Lê Thị S và anh Bùi Văn L (con trai ông Bùi Văn K) xác nhận ông Bùi Văn K và bà Nguyễn Thị L là hai chị em cùng mẹ khác cha, cụ thể: Bà Nguyễn Thị L là con đời chồng đầu của bà Bùi Thị B, ông Bùi Văn K là con đời chồng sau của bà Bùi Thị B....”;

[2.4] Tại Biên bản xác minh ngày 11/11/2019 của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị N cán bộ Tư pháp xã T cung cấp: “từ năm 2012 đến nay, UBND xã T đã tổ chức rất nhiều hội nghị để giải quyết đề nghị, yêu cầu của bà Nguyễn Thị L xác định mối quan hệ mẹ con đẻ giữa bà L và cụ B. Kết quả giải quyết, kết quả của hội nghị cho thấy các đoàn thể thôn C gồm Hội nông dân, Hội phụ nữ, Hội phụ lão, Hội Cựu chiến binh, các cụ cao niên, phụ lão ở thôn C, anh em bên nội, bên ngoại của bà L... Những người này xác nhận bà L là con đẻ của cụ B...”.

[2.5] Trên cơ sở lời khai của những người làm chứng và các văn bản của Thanh tra huyện H, Ủy ban nhân dân xã T, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ninh Bình; Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định cụ Bùi Thị B là mẹ đẻ của bà Nguyễn Thị L là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm bà Lê Thị S không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, Hội đồng phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lê Thị S, cần giữ nguyên Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2021 của

Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 375 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Lê Thị S không được chấp nhận nên bà Lê Thị S phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 375 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị S, giữ nguyên Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện H.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị S phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2010/01240 ngày 08/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDCC tại Hà Nội;
- TAND huyện H;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS huyện H;
- Phòng KTNV-THA;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(đã ký)

Tạ Văn Vinh